TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2025

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Bùi Ngọc H , sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm H , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Ông Sơn Thanh H1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khóm Tr , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2024 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bùi Ngọc H trình bày:

Vào năm 1999, bà Bùi Ngọc H kết hôn với ông Sơn Thanh H1, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Kh , huyện Vĩnh Châu (nay là phường Kh , thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/1999. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung là Sơn Ngọc H2 (nữ) sinh ngày 24/7/2002, hiện cháu H2 đã thành niên, có gia đình riêng tự lo cho bản thân. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012, phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp làm cho tình cảm ngày càng phai nhạt nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Thanh H1.

- Về con chung: Có 01 con chung là Sơn Ngọc H2 (nữ) sinh ngày 24/7/2002, hiện cháu H2 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Sơn Thanh H1 : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông H1 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, ông H1 cũng vắng mặt không có lý do trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho ông H1 và đưa vụ án ra xét xử. Đến ngày 09/01/2025, ông H1 có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông Sơn Thanh H1 đồng ý ly hôn với bà Bùi Ngọc H .

- Về con chung: Cháu Sơn Ngọc H2 thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H1 không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bà Bùi Ngọc H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Sơn Thanh H1. Yêu cầu của bà H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con cũng như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về việc kết hôn và vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Ngọc H2 (nữ) sinh ngày 24/7/2002; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà H và ông H1 về việc kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Kh , huyện Vĩnh Châu (nay là phường Kh , thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/1999 là sự thật. Vì vậy, giữa bà H và ông H1 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được tình trạng cuộc sống của nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, bà H và ông H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 01 con chung là Sơn Ngọc H2 (nữ) sinh ngày 24/7/2002, hiện cháu H2 đã thành niên, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà H và ông H1 cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Ngọc H được ly hôn với ông Sơn Thanh H1.

2. Về con chung: Con chung là Sơn Ngọc H2 (nữ) sinh ngày 24/7/2002 đã thành niên, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Ngọc H và ông Sơn Thanh H1 cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Ngọc H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng do bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí.

Bà Bùi Ngọc H và ông Sơn Thanh H1 có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường Kh ,
thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.